ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:678 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 08 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán kinh phí trồng rừng thay thế dự án Khu đô thị phía Đông thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh; Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo thẩm định số 183/BC-SNN ngày 28/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán kinh phí trồng rừng thay thế dự án Khu đô thị phía Đông thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, với các nội dung như sau:

1. Tên công trình, chủ đầu tư, hình thức đầu tư:

a) Tên công trình lâm sinh: Trồng rừng thay thế dự án Khu đô thị phía Đông thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

b) Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án phát triển rừng huyện Văn Lãng giai đoạn 2023 - 2025.

c) Hình thức, nguồn vốn đầu tư: nguồn kinh phí trồng rừng thay thế của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

2. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn khu 7, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

3. Mục tiêu đầu tư: sử dụng kinh phí trồng rừng thay thế dự án Khu đô thị phía Đông thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng nộp về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh để tổ chức trồng mới diện tích rừng phòng hộ có hiện trạng là đất trống, đồi núi trọc, tạo việc làm cho hộ gia đình, nâng cao đời sống người dân và phát huy tính bền vững trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp tại địa phương.

4. Nội dung và quy mô

Thực hiện trồng mới rừng phòng hộ diện tích 8,66ha trên đất trống quy hoạch rừng phòng hộ tại thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Chi tiết lô, khoảnh, tiểu khu thiết kế trồng rừng như sau.

STT	**Tên Xã/Thôn**	**Số Tiểu khu**	**Số khoảnh**	**Số Lô**	**Diện tích (ha)**	**Tổng số hộ thực hiện**
I	*TT.Na Sầm*	*1.TK*	*3.Kh*	*3 Lô*	*8,66*	01 Nhóm hộ gia đình (gồm 15 hộ gia đình) tham gia thực hiện dự án, đại diện là bà: Phùng Thị Thơ
1	*Khu 7*	*1Tk*	*3.Kh*	*3*	*8,66*	
	"	208	6	1	0,74	
	"	208	7	1	1,92	
	"	208	10	1	6,00	

- Loài cây trồng: Thông đuôi ngựa (Thông Mã vĩ). Phương thức trồng: Trồng thuần loài. Mật độ trồng: 1.600 cây/ha. Cự ly trồng: Cây cách cây 2,5m, hàng cách hàng 2,5m. Thời vụ trồng: Vụ Xuân - Hè.

5. Tổng dự toán kinh phí thực hiện: 698.808.000 đồng *(sáu trăm chín mươi tám triệu, tám trăm linh tám nghìn đồng chẵn)*, chi tiết tại Biểu kèm theo Quyết định này.

6. Thời gian thực hiện:

- Thiết kế và trồng rừng: năm 2023;

- Chăm sóc rừng trồng: 3 năm, từ 2024 - 2026.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ), Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm (Giám đốc Quỹ), Chủ tịch UBND huyện Văn Lãng, Ban Quản lý dự án phát triển rừng huyện Văn Lãng giai đoạn 2023-2025 và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công ty cổ phần May – Diêm Sài Gòn;
- Các PVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm PVHCC, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Trọng Quỳnh

Dự toán thiết kế trồng rừng thay thế Dự án khu đô thị phía Đông thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

(Kèm theo Quyết định số: 678/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Hạng mục	Mức đầu tư (đồng/ha)	Khối lượng (ha)	Tổng	Trồng rừng và chăm sóc năm 1	Chăm sóc		
						Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4
	TỔNG (1+2+3+4)	**80.694.000**	**8,66**	**698.808.000**	**267.131.000**	**186.297.000**	**123.234.000**	**122.146.000**
1	**Chi phí lâm sinh**	**76.798.840**	**8,66**	**665.077.950**	**245.974.001**	**180.870.933**	**119.644.784**	**118.588.232**
a	**Vật tư**	**7.968.000**	**8,66**	**69.002.880**	**40.320.960**	**28.681.920**	-	-
	- Chi phí cây giống	2.496.000	8,66	21.615.360	19.814.080	1.801.280	-	-
	- Chi phí phân bón	5.472.000	8,66	47.387.520	20.506.880	26.880.640	-	-
b	**Nhân công**	**68.830.840**	**8,66**	**596.075.070**	**205.653.041**	**152.189.013**	**119.644.784**	**118.588.232**
	- Trồng rừng	16.246.868	8,66	140.697.878	140.697.878	-	-	-
	- Chăm sóc lần 1	28.938.963	8,66	250.611.421	57.928.369	87.091.858	53.323.873	52.267.322
	- Chăm sóc lần 2	17.965.151	8,66	155.578.209	-	51.043.566	52.267.322	52.267.322
	- Bảo vệ	5.679.857	8,66	49.187.562	7.026.795	14.053.589	14.053.589	14.053.589
2	**Chi phí khảo sát, thiết kế**	**1.540.990**	**8,66**	**13.344.969**	**13.344.969**	-	-	-
3	**Chi phí quản lý 3% chi phí lâm sinh**	**2.303.965**	**8,66**	**19.952.339**	**7.379.220**	**5.426.128**	**3.589.344**	**3.557.647**
	- Cấp tỉnh 0,3%	230.397	8,66	1.995.234	737.922	542.613	358.934	355.765
	- Cấp huyện 0,15%	115.198	8,66	997.617	368.961	271.306	179.467	177.882
	- Cấp xã 0,15%	115.198	8,66	997.617	368.961	271.306	179.467	177.882
	- Chủ đầu tư 2,4%	1.843.172	8,66	15.961.871	5.903.376	4.340.902	2.871.475	2.846.118
4	**Chi phí thẩm định thiết kế**	**50.000**	**8,66**	**433.000**	**433.000**			